

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /2013/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 8 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: . 849
	Ngày: 09/9
	Chuyên: Về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

QUYẾT ĐỊNH

Về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI, kỳ họp thứ 6 về điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2095/TTr-STC ngày 27/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từ 01/9/2013 như sau:

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

2. Mức thu phí:

2.1. Rác thải thông thường:

2.1.1. Rác thải từ hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh:

a) Địa bàn thành phố Huế:

- Hộ mặt tiền: 20.000 đồng/hộ/tháng;



- Hộ trong kiệt, hẻm: 16.000 đồng/hộ/tháng.
- b) Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:
 - Hộ mặt tiền: 15.000 đồng/hộ/tháng;
 - Hộ trong kiệt, hẻm: 12.000 đồng/hộ/tháng.
- c) Địa bàn các xã: 12.000 đồng/hộ/tháng.
- 2.1.2. Rác thải từ hộ gia đình có sản xuất, kinh doanh, buôn bán nhỏ:
 - a) Rác thải dưới 0,5m³/tháng:
 - a.1) Hộ gia đình kinh doanh dịch vụ ăn uống, vật liệu xây dựng, sản xuất chế biến các loại thực phẩm, gia công hàng thủ công:
 - Địa bàn thành phố Huế:
 - + Hộ mặt tiền: 70.000 đồng/hộ/tháng;
 - + Hộ trong kiệt, hẻm: 50.000 đồng/hộ/tháng.
 - Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:
 - + Hộ mặt tiền: 50.000 đồng/hộ/tháng;
 - + Hộ trong kiệt, hẻm: 40.000 đồng/hộ/tháng.
 - Địa bàn các xã: 30.000 đồng/hộ/tháng.
 - a.2) Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khác:
 - Địa bàn thành phố Huế:
 - + Hộ mặt tiền: 50.000 đồng/hộ/tháng;
 - + Hộ trong kiệt, hẻm: 40.000 đồng/hộ/tháng.
 - Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:
 - + Hộ mặt tiền: 40.000 đồng/hộ/tháng;
 - + Hộ trong kiệt, hẻm: 30.000 đồng/hộ/tháng.
 - Địa bàn các xã: 20.000 đồng/hộ/tháng.
 - b) Rác thải từ 0,5m³/tháng trở lên:
 - Địa bàn các phường, thị trấn: 100.000 đồng/hộ/tháng;
 - Địa bàn các xã: 60.000 đồng/hộ/tháng.
- 2.1.3. Rác thải từ các đối tượng khác:
 - Hộ có thuyền du lịch trên sông: 80.000 đồng /thuyền/ tháng;
 - Hộ có phòng cho thuê trọ: 4.000 đồng/phòng/tháng (ngoài mức thu phải nộp theo quy định đối với hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh).
- 2.1.4. Rác thải từ các tổ chức:
 - a) Cửa hàng, khách sạn, dịch vụ nhà trọ (nhà nghỉ), nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà ga, bến xe, bến thuyền, chợ:
 - Rác thải dưới 1m³/tháng: 160.000 đồng/đơn vị/tháng;
 - Rác thải từ 1m³/tháng trở lên: 160.000 đồng/m³.
 - b) Bệnh viện, trạm y tế và các tổ chức, cơ sở khác:
 - Rác thải dưới 1m³/tháng: 140.000 đồng/đơn vị/tháng;
 - Rác thải từ 1m³/tháng trở lên: 140.000 đồng/m³.

c) Trường học, nhà trẻ, cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở làm việc của doanh nghiệp: 100.000 đồng/đơn vị/tháng.

2.2. Rác thải xây dựng, công nghiệp không nguy hại:

a) Rác thải từ hoạt động xây dựng: 70.000 đồng/m³.

b) Rác thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất: 160.000 đồng/m³.

2.3. Rác thải nguy hại (rác thải y tế, công nghiệp nguy hại; chế biến nông thủy sản; giết mổ gia súc; rác thải nguy hại khác):

a) Rác thải y tế, công nghiệp nguy hại:

- Rác thải có khối lượng dưới 5 kg/tháng: 170.000 đồng/đơn vị/tháng;

- Rác thải có khối lượng từ 5 kg/tháng trở lên: 35.000 đồng/kg.

b) Rác thải từ chế biến nông thủy sản, giết mổ gia súc, rác thải nguy hại khác: 200.000 đồng/m³.

3. Chế độ quản lý và sử dụng phí:

3.1. Đơn vị thu phí:

UBND cấp huyện, xã tổ chức thực hiện thu phí theo phân cấp quản lý nhà nước về môi trường đối với rác thải.

3.2. Tỷ lệ phí được để lại đơn vị thu:

a) Đối với rác thải không nguy hại (rác thải thông thường; rác thải công nghiệp, xây dựng không nguy hại):

Địa bàn các phường, thị trấn được để lại 20%, địa bàn các xã được để lại 25% trên tổng số phí thu được để chi trả cho hoạt động tổ chức thu phí.

Số phí còn lại nộp vào ngân sách cấp huyện, xã theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và được sử dụng cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

b) Đối với rác thải nguy hại:

Đơn vị tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác được để lại 100% số phí thu được nhằm chi trả chi phí cho hoạt động tổ chức thu phí, thu gom, vận chuyển, xử lý rác và các khoản chi khác theo quy định.

3.3. Nội dung chi đối với khoản phí được để lại đơn vị thu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế:

- Triển khai phân loại đối tượng để thu phí vệ sinh trên địa bàn đảm bảo đúng quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí; Căn cứ vào tình hình thực tế và mô hình tổ chức thu gom để hướng dẫn đơn vị tổ chức thu phí theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cho phù hợp với tình

hình thực tế;

- Hướng dẫn các đơn vị được giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác quản lý và sử dụng phí vệ sinh đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

2. Đơn vị thu phí:

Tổ chức việc thu phí đúng qui định; quản lý, sử dụng và quyết toán phí để lại theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

3. UBND các phường, xã, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thu phí để làm tốt việc đôn đốc, kiểm tra thu; tuyên truyền, phát động phong trào vệ sinh môi trường.

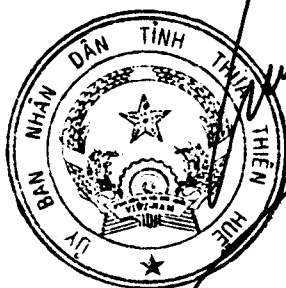
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh về mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh, Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 của UBND tỉnh về quy định tỷ lệ để lại trên số thu phí cho tổ chức thu phí vệ sinh, Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- Công TTĐT tỉnh; Báo Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, TC (02), NĐ, ĐC, TH, TK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu